

Số: 2542 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh
Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6
năm 2010;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị
Trung ương 7 khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường
quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn
2016-2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chính
phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hiệp quốc
về biến đổi khí hậu;*

*Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu
và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục
tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;*

*Căn cứ Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ - dự toán
Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng giai
đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
3215/TTr-STNMT ngày 01 tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh

Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. Tên Kế hoạch: Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. Tính cấp thiết của việc ban hành kế hoạch

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, có diện tích tự nhiên lớn, địa hình chia cắt mạnh, phức tạp, gần 80% diện tích là đồi núi có độ dốc lớn hơn 25%. Tỉnh Cao Bằng nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa trung bình năm phổ biến từ 1200 - 1600mm. Mạng lưới sông suối trong tỉnh tương đối dày, các hệ thống sông chính chảy qua chủ yếu phát nguồn từ Trung Quốc như: sông Bằng, sông Gâm, sông Quây Sơn, Bắc Vọng,...

Theo báo cáo tính toán kịch bản BĐKH cho tỉnh Cao Bằng, xu thế BĐKH tỉnh Cao Bằng từ số liệu quan trắc thời kỳ 1961-2019, cho thấy nhiệt độ không khí trung bình năm và các mùa tỉnh Cao Bằng hầu hết đều thể hiện xu thế tăng trong thời kỳ 1961-2019 với tốc độ tăng phổ biến từ 0,1-0,2°C/thập kỷ. Nhiệt độ thường tăng thấp nhất ở trạm Nguyên Bình, tăng cao nhất ở trạm Cao Bằng và Bảo Lạc. Nhiệt độ tối cao có xu thế tăng ở tất cả các trạm với tốc độ tăng từ xấp xỉ 0,2 - 0,3°C/thập kỷ. Nhiệt độ tối thấp cũng thể hiện xu thế tăng ở tất cả các trạm với tốc độ tăng 0,3 -0,5°C/thập kỷ. Số ngày nắng nóng có xu thế tăng trên phạm vi toàn tỉnh với tốc độ tăng 0 - 5 ngày/thập kỷ, tăng cao nhất ở Bảo Lạc. Tỉnh Cao Bằng thường chịu ảnh hưởng của những cơn bão đổ bộ vào ven biển khu vực Đông Bắc hoặc từ Trung Quốc di chuyển đến biên giới Việt Trung. Hàng năm, trên địa bàn tỉnh thường chịu ảnh hưởng trung bình từ 3-5 cơn bão và một số loại hình thiên tai điển hình như: Bão, áp thấp nhiệt đới, tố lốc, dông sét, mưa đá, mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, hạn hán, rét hại, sương muối,... gây thiệt hại lớn đến tài sản, tính mạng con người, công trình cơ sở hạ tầng của Nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đối với sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái địa phương. Những năm gần đây, các loại hình thiên tai xảy ra với mức độ và tần suất thất thường, gây khó khăn cho công tác phòng chống lụt bão, cũng như gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống nhân dân. Theo báo cáo thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng (2019), trong giai đoạn 2012-2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 27 trận lũ, lụt; 19 trận lũ quét; 9 đợt áp thấp nhiệt đới, 25 đợt sạt lở đất (đặc biệt năm 2017 xảy ra 9 đợt); 60 trận dông, lốc xoáy làm hơn 35 người chết hoặc mất tích, thiệt hại hơn 895 tỷ đồng tài sản nông nghiệp, chăn nuôi, nhà ở và công trình hạ tầng.

Những thiệt hại nói trên đã cho thấy đây là những thách thức đòi hỏi sự chỉ đạo thực hiện của các cấp, ngành và sự tham gia của người dân để đảm bảo phát triển bền vững và ổn định cuộc sống. Trước những thách thức nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan, ngày 29 tháng 12 năm 2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình thực hiện đã triển khai được một số nhiệm vụ quan trọng góp phần chủ động thực hiện thích ứng và giảm nhẹ BĐKH trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch hành động của

tỉnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế liên quan đến thời gian và kinh phí. Bên cạnh đó, việc đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, môi trường, kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế về số liệu, phương pháp, năng lực và kinh nghiệm do thực hiện lần đầu.

Trải qua gần một thập kỷ, những kinh nghiệm thực hành mới nhất trong xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH trên thế giới và tại các địa phương khác của Việt Nam cũng đề xuất những thực hành tốt hơn cho việc xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh, nhằm hạn chế những rủi ro, trì hoãn dự án do thiếu nguồn lực thực hiện. Bên cạnh đó, năm 2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam với nhiều thay đổi về diễn biến và tình hình khí hậu theo số liệu kịch bản mới. Số liệu mới được bổ sung cho lần cập nhật kịch bản năm 2016 bổ sung các số liệu Khí tượng thủy văn quá khứ từ sau năm 2012 đến 2016.

Tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, trong đó giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì và hướng dẫn cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của quốc gia. Để có cơ sở tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó cập nhật thông tin, số liệu mới, cần thiết về diễn biến thời tiết, khí hậu của tỉnh cũng như tác động của BĐKH trong hơn một thập kỷ qua.

Trên cơ sở căn cứ pháp lý đã đề ra, những thông tin, dữ liệu nền tảng cần được cập nhật chính xác, đồng bộ và thực tiễn yêu cầu thực hiện theo định hướng quốc gia thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, việc triển khai thực hiện Nhiệm vụ xây dựng, cập nhật “Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” có ý nghĩa hết sức quan trọng và cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Cao Bằng phù hợp với định hướng của Chính phủ cũng như hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

III. Quan điểm

3.1. Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là ba vấn đề cùng quyết định sự phát triển bền vững của tỉnh, là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó đơn vị quản lý nhà nước đóng vai trò lãnh đạo, định hướng. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, cơ chế song phương, đa phương và khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực BĐKH và bảo vệ môi trường.

3.2. Yêu cầu về ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển. Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu phải được lồng ghép trong các chính sách, quy hoạch có liên quan.

3.3. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với BĐKH.

3.4. Khuyến khích sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và hạn chế sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ gây nguy hại đến môi trường hướng đến tăng trưởng xanh, car-bon thấp, lối sống thân thiện với môi trường.

IV. Mục tiêu của kế hoạch

4.1. Mục tiêu chung

- Xác định được các thách thức và cơ hội của BĐKH đối với quá trình phát triển của tỉnh Cao Bằng theo từng ngành, địa phương.

- Xác định được các giải pháp ưu tiên nhằm thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho từng giai đoạn ngắn hạn 2021-2025 và trung hạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung yếu tố biến đổi khí hậu trong chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

4.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các tác động nghiêm trọng của BĐKH đến quá trình phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ thách thức, cơ hội do BĐKH mang lại, đồng thời đưa ra quan điểm, cách tiếp cận và hướng ưu tiên trong ứng phó với BĐKH của tỉnh.

- Tổng hợp, lồng ghép, lựa chọn các giải pháp ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung tiến tới đề xuất lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh đã ban hành.

V. Nội dung Kế hoạch

5.1. Phân kì thực hiện Kế hoạch

5.1.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Kiện toàn bộ máy và cơ cấu tổ chức để thực hiện ứng phó với BĐKH.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về biến đổi khí hậu và ứng phó với những tác động của BĐKH.

- Xây dựng hệ thống giám sát BĐKH cho tỉnh.

- Cập nhật đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương, xác định nhu cầu tăng cường năng lực thích ứng và các giải pháp cho các tổn thất và thiệt hại do BĐKH cho các vùng, ngành trong tỉnh.

- Thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến thích ứng với BĐKH cho từng ngành, từng lĩnh vực cấp thiết trong giai đoạn đầu của kế hoạch cập nhật.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án trên địa bàn nằm trong vùng có nguy cơ cao xảy ra loại hình thiên tai: Lũ quét, sạt lở đất; nằm trong vùng chịu ảnh hưởng đặc biệt của nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại.

- Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025.

5.1.2. Giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương về BĐKH và thiên tai.
- Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án liên quan đến thích ứng với BĐKH cho từng ngành, từng lĩnh vực.
- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, chiến lược tăng trưởng xanh, thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hoàn cảnh trong nước và quốc tế.
- Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2030.

5.1.3. Giai đoạn sau 2030

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.
- Xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực nhằm xây dựng và củng cố nền kinh tế các-bon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của BĐKH.
- Tăng cường hợp tác quốc tế, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của Cao Bằng trong ứng phó với BĐKH, vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để Cao Bằng ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH.

5.2. Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu cụ thể cho từng ngành/ lĩnh vực

5.2.1. Nhóm giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Lĩnh vực tài nguyên nước

- Đảm bảo nhu cầu nước trong sinh hoạt và sản xuất; chủ động phòng, chống, giảm thiểu tác hại tới tài nguyên nước (cạn kiệt, hạn hán ...) do tác động của BĐKH. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đặc biệt là dân ở các vùng còn khó khăn; cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.
- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu tài nguyên nước; áp dụng các công nghệ và phương thức sản xuất tiết kiệm nước.
- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, đánh giá chất lượng, tiềm năng tài nguyên nước các vùng thiếu và khan hiếm nước; xây dựng mạng điểm quan trắc tài nguyên nước.
- + Xây dựng hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nâng cao năng lực vận hành ứng phó với mùa mưa, lũ, bảo đảm an toàn thông qua triển khai lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng tại 41 lưu vực, hồ chứa lớn và vừa trên địa bàn tỉnh.
- + Nâng cao chất lượng dự báo/cảnh báo mưa lũ trên các lưu vực sông, suối; tăng cường phối hợp liên ngành dự báo, cảnh báo lũ, vận hành hồ chứa và phòng chống lũ cho vùng hạ lưu đập.

+ Rà soát, đánh giá hiện trạng các hồ chứa, khả năng xả lũ có xét đến biến đổi khí hậu và phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

- Kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn các huyện, thành phố.

b) Lĩnh vực nông lâm nghiệp

- Củng cố, nâng cấp, xây mới các đoạn kè xung yếu bảo đảm chống chịu được với thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với sâu bệnh và có khả năng thích nghi điều kiện BĐKH (thạch đen, lạc, trúc xào...).

- Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; tăng cường hệ thống kiểm soát, dự báo, phòng chống cháy rừng; nghiên cứu nâng cao tích lũy các bon ở các loại rừng tự nhiên tại các khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia tại Cao Bằng tham gia tiến trình REDD ở Việt Nam.

- Khuyến khích phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu như: sử dụng giống chịu hạn có năng suất, chất lượng cao, chuyển đổi cơ cấu cây trồng có nhu cầu nước ít hơn (so với lúa) và có giá trị kinh tế cao, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu và đẩy mạnh khả năng hấp thụ các bon ở các trạng thái rừng làm cơ sở cho việc chi trả dịch vụ môi trường.

c) Lĩnh vực khí tượng- thủy văn

- Cải tạo, nâng cấp các Trạm khí tượng - thủy văn áp dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến tăng khả năng cảnh báo dự báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan; giám sát BĐKH tại các khu vực có mức độ tổn thương cao.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và BĐKH tỉnh Cao Bằng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai và cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

d) Lĩnh vực quy hoạch và đô thị

- Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, khu đô thị, khu dân cư, phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện quy hoạch xây dựng, có khả năng tích hợp, lồng ghép các yếu tố ứng phó với BĐKH trong lập và triển khai quy hoạch.

- Đề xuất cốt nền và mật độ xây dựng phù hợp; kết cấu và kiến trúc công trình phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu chống chịu được mưa, lũ có cường độ lớn đối với các dự án phát triển đô thị tại khu vực hạ du có xét đến sự biến đổi mực lũ trên các sông do BĐKH.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, phát triển đô thị: tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế thay đổi địa hình, nghiêm cấm việc tự ý đào núi, ngăn, lấp hoặc thay đổi các dòng chảy tự nhiên của sông suối; điều chỉnh hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, khu đô thị để đảm bảo ứng phó với thoát

nước khi có mưa lũ lớn xảy ra; tích hợp nội dung ứng phó BĐKH vào quy hoạch và việc xây dựng chương trình phát triển đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật: thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, nạo vét sông, suối; hệ thống thoát nước đô thị, hệ thống thoát nước thải, kênh tiêu thoát nước.

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế ngập úng trong đô thị: hình thành các hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; xây dựng kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, công trình chứa nước hiện đại quy mô lớn.

- Đánh giá tình hình sạt lở đất tại khu vực ven sông, miền núi dưới tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn Cao Bằng và đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro và thiệt hại.

đ) Lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Tổ chức triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ liên quan đến biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch.

- Chú trọng công tác nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi với phương thức, mô hình canh tác phù hợp với BĐKH; ứng dụng công nghệ sinh học, quy trình sản xuất tiên tiến theo hướng an toàn thực phẩm, tăng cường hệ thống phòng chống và kiểm soát dịch bệnh phù hợp với đặc điểm sinh thái của các vùng và địa phương nhằm chủ động thích ứng với BĐKH.

e) Lĩnh vực y tế và sức khỏe cộng đồng

- Tăng cường công tác y tế; nâng cấp, cải tạo, xây mới cơ sở hạ tầng phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; tăng cường phòng chống các dịch bệnh do BĐKH; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế các địa phương trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đặc biệt là năng lực ứng phó khủng hoảng sau thiên tai lớn.

- Tăng cường công tác giáo dục cộng đồng về bảo vệ sức khỏe trong các điều kiện diễn biến bất thường của khí hậu.

g) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên toàn tỉnh, đặc biệt là đối với các di tích, danh thắng.

- Tăng cường sử dụng các chất liệu truyền thống, phương thức truyền thống trong việc tu bổ, phục dựng bảo quản các hiện vật trong di tích và nhà truyền thống.

- Tuyên truyền xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải CO₂, sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên trong hệ thống các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch trong toàn tỉnh.

5.2.2. Nhóm giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

a) Kiểm kê khí nhà kính và thúc đẩy phát triển thị trường các-bon

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, góp phần hoàn thiện mức kiểm

kê và thúc đẩy phát triển thị trường các-bon cấp quốc gia. Đề xuất kiểm kê phát thải khí nhà kính của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp. Nâng cao nhận thức và hỗ trợ chuyển đổi sản xuất xanh ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới.

c) Đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính

- Đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật canh tác nông nghiệp bền vững nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai các quy hoạch, phương án, công nghệ quản lý, xử lý chất thải và tái sử dụng nước thải nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo.

- Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; tăng cường hệ thống kiểm soát, dự báo, phòng chống cháy rừng, tăng cường các bể hấp thụ các-bon trong tự nhiên.

- Xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, thu nhập chính từ sản phẩm là gỗ sang thu nhập từ chi trả môi trường rừng thông qua việc hấp thụ CO₂ của rừng.

VI. Giải pháp hỗ trợ thực hiện

6.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và BĐKH; hệ thống cảnh báo sớm lũ quét và trượt lở đất đối với các khu vực miền núi, thống nhất từ cấp tỉnh đến các ngành, các địa phương.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, xây dựng phương pháp luận đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó trong bối cảnh tác động của BĐKH đối với lĩnh vực nông nghiệp.

6.2. Tăng cường cơ sở vật chất và đào tạo lực lượng chuyên nghiệp trong công tác tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tìm kiếm,

cứu hộ cứu nạn trong các tình huống thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lốc, sét mưa đá, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ và dòng chảy.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, xây dựng lực lượng chuyên nghiệp, chính sách cán bộ phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn trong các tình huống thiên tai.

6.3. Nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt là cho cán bộ quản lý trực tiếp làm công tác về biến đổi khí hậu, nông nghiệp, xây dựng- đô thị và công nghiệp- năng lượng.

- Xây dựng ý thức thường trực phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai của các cấp, các ngành và mọi người dân, đặc biệt là ở các vùng dễ bị tác động trực tiếp do biến đổi khí hậu; từng bước hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa lực lượng tìm kiếm cứu nạn.

- Tăng cường lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các văn bản và chính sách phát triển của tỉnh trong tương lai.

- Đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên về BĐKH trong ngành giáo dục tỉnh Cao Bằng.

6.4. Tăng cường hợp tác quốc tế

Vận động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế, bao gồm: tài chính, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ thông qua hợp tác song phương và đa phương; tham gia các hoạt động hợp tác khu vực và toàn cầu về BĐKH.

6.5. Tài chính

- Sở Kế hoạch Đầu tư và Sở Tài chính hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các nguồn vốn đầu tư như: ngân sách nhà nước từ trung ương; các Bộ ngành Trung ương trong Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp môi trường của Tỉnh và Tổ chức phi chính phủ (NGO), các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác của các thành phần kinh tế khác. Tất cả kế hoạch vốn phải được thông báo ngay từ đầu năm có phân bổ rõ cấu phần vốn sự nghiệp và cấu phần vốn đầu tư phát triển. Căn cứ tổng kinh phí được chính phủ giao cho địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lồng ghép các chương trình mục tiêu trên địa bàn, bố trí mức kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch hàng năm. Ban chỉ đạo ứng phó với BĐKH tăng cường giám sát, báo cáo đôn đốc tiến độ thực hiện Kế hoạch được phê duyệt.

- Tăng cường hợp tác, kết nối các nguồn tài trợ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ với các đối tác, nhà tài trợ quốc tế theo các cơ chế song phương, đa phương nhằm tăng cường năng lực thích ứng BĐKH và tận dụng các tiềm năng giảm phát khí nhà kính.

6.6. Cơ chế chính sách

Tiếp tục kiện toàn bộ máy và hoạt động của Ban chỉ đạo ứng phó BĐKH của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện và ban hành các kế hoạch, cơ chế hợp tác, giám sát,

đánh giá, báo cáo việc thực hiện các hoạt động BĐKH các cấp trong thời gian tới là việc làm cần thiết để nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

6.7. Công nghệ

Thiếu hụt công nghệ tiên tiến trong quan trắc, dự báo và cảnh báo khí hậu, thiên tai là tình trạng chung ở Việt Nam, trong đó có Cao Bằng. Do đó thông tin cần thiết phục vụ sản xuất vẫn còn thiếu và còn nhiều bất cập về chất lượng cũng như số lượng, thiếu cơ sở vật chất dẫn đến chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng các thông tin khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu cho tính toán phục vụ sản xuất và dự báo. Cách tiếp cận tổng hợp đa ngành trong ứng dụng các công nghệ và xây dựng các biện pháp ứng phó còn hạn chế.

Trong thời gian tới, cần quan tâm, đầu tư hơn nữa đến vấn đề công nghệ trong BĐKH. Đồng thời cũng nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên trách về biến đổi khí hậu tại các sở ngành, địa phương trong tỉnh để có thể tiếp nhận chuyển giao công nghệ khi cần.

6.8. Giải pháp về kiểm tra, giám sát và đánh giá

6.8.1. Nội dung giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch

- Giám sát, đánh giá việc huy động và phân bổ các nguồn lực cho các mục tiêu của Kế hoạch hành động: kết quả và hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, giải pháp của Kế hoạch hành động: kết quả và tiến độ thực hiện.

- Giám sát, đánh giá, báo cáo việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách của Kế hoạch hành động: sự tuân thủ và tác động của các chính sách, cơ chế đối với việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch hành động.

- Giám sát, đánh giá, báo cáo việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động của các đơn vị, ngành, địa phương: kết quả và tiến độ thực hiện.

- Phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, những thiếu sót và những thách thức cũng như các cơ hội trong thực hiện Kế hoạch hành động. Trên cơ sở đó chỉ ra những nguyên nhân và kiến nghị cách thức, phương hướng khắc phục hoặc phát huy.

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị có nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch hành động phải đánh giá kết quả thực hiện nội dung, nhiệm vụ, giải pháp năm trước và đề xuất kế hoạch, chương trình thực hiện năm tiếp theo và gửi về Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

6.8.2. Chế độ giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch

a) Cấp huyện và thành phố

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: là đơn vị thường trực của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ những số liệu, thông tin liên quan; kiểm tra, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị có liên quan cấp huyện gửi báo cáo định kỳ; tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm (trước ngày 15/6 và ngày 15/10), gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp thông tin và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm (trước ngày 20/6 và ngày 20/10) về Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo.

b) Cấp tỉnh

- Các Sở, ngành chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng năm 6 tháng và hằng năm (trước ngày 20/6 và ngày 20/10) về Ban Chỉ đạo thông qua Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo.

- Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ thông tin do các huyện, thành phố, các Sở, ngành báo cáo; đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi báo cáo theo đúng định kỳ; kiểm tra nguồn số liệu và độ tin cậy của các số liệu; Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm (trước ngày 30/6 và ngày 30/10), báo cáo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.9. Danh mục các nhiệm vụ dự án ưu tiên (có phụ lục kèm theo)

6.10. Kinh phí

- Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến: 277,133 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2021 - 2025: 248,133 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 29,0 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí: ngân sách nhà nước từ trung ương; các Bộ ngành Trung ương trong Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp môi trường của tỉnh và Tổ chức phi chính phủ (NGO), các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác của các thành phần kinh tế khác...(xem phụ lục).

VII. Tổ chức thực hiện

7.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đề xuất, xây dựng cơ chế chính sách quản lý, điều hành, cơ chế phối hợp thực hiện Kế hoạch hành động, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

- Xác định mục tiêu, xây dựng nhiệm vụ, tính toán kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện để tổng hợp, bổ sung vào kế hoạch 5 năm, hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị kinh phí chi tiết, cân đối phân bổ nguồn lực cho các Sở, ngành, các địa phương và trình Ủy ban nhân dân tỉnh/Ban chỉ đạo phê duyệt.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các sở, ban ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động. Tiếp tục xây dựng Kế hoạch hành động thích ứng BĐKH ngành tài nguyên môi trường đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và trình Ủy ban nhân dân tỉnh/Ban chỉ đạo phê duyệt.

- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động.
- Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo ứng phó với BĐKH tỉnh Cao Bằng.

7.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh theo hướng lồng ghép, tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường điều phối các nguồn vốn cho các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện Kế hoạch hành động. BĐKH

- Chủ trì xây dựng, thông tin các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH cho các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh.

7.3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng ngân sách địa phương phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án và Kế hoạch hành động.

7.4. Các Sở, ngành khác và Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch hành động theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo sự điều hành của Ban Chỉ đạo.

- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế hoạch hành động; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép hoạt động của kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc chương trình, kế hoạch của ngành, địa phương, nhằm đạt được mục tiêu chung của Kế hoạch hành động.

7.5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể trong tỉnh

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia ứng phó với BĐKH;

- Giám sát, đề xuất việc thực hiện các chính sách pháp luật về BĐKH;

- Ngoài ngân sách của nhà nước, tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân cùng tham gia đóng góp nguồn lực để triển khai kế hoạch này.

7.6. Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cao Bằng

Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của Tỉnh có liên quan đến hoạt động về biến đổi khí hậu để các tổ chức, nhân dân trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện đúng theo quy định.

7.7. Tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và toàn dân

7.7.1. Tham gia của cộng đồng

- Huy động cộng đồng, hộ gia đình tham gia tích cực xây dựng, vận hành và quản lý các công trình ứng phó với BĐKH, nhân rộng và phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó với BĐKH.

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng tích cực tham gia thực hiện kế hoạch này.

- Thành lập các tổ chức tự quản để giám sát và ứng phó nhanh với tác động có hại của BĐKH, đặc biệt là các thiên tai bất thường.

7.7.2. Tham gia của các tổ chức phi Chính phủ

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi Chính phủ tham gia vào các quá trình hoạch định chính sách, chương trình, kế hoạch ứng phó với BĐKH.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi Chính phủ thực hiện các hoạt động ứng phó với BĐKH ở cấp cộng đồng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BĐKH.

7.7.3. Tham gia của khối doanh nghiệp

Có cơ chế chính sách để khuyến khích khối doanh nghiệp đầu tư vào các dự án thích ứng và giảm nhẹ biến BĐKH trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, đôn đốc, giám sát các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH CAO BẰNG
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 15 / 12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Tổng kinh phí dự kiến giai đoạn 2021-2030: 277,133 tỷ đồng. Trong đó trung ương: 193,993 tỷ (70%); địa phương: 83,140 tỷ (30%).
 Kinh phí giai đoạn: 2021-2025: 248,133 tỷ đồng. Trong đó trung ương: 173,693 tỷ (70%); địa phương: 74,440 tỷ (30%).
 Kinh phí giai đoạn: 2026-2030: 29,0 tỷ đồng. Trong đó trung ương: 20,30 tỷ (70%); địa phương: 8,70 tỷ (30%).

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
	Ngành Công Thương						
1	Thực hiện các giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trên địa bàn tỉnh qua đó giảm phát thải khí nhà kính trong ứng phó với biến đổi khí hậu	10,0	10,0	10,0	Sở Công Thương	Vốn Sự nghiệp môi trường (SNMT) Tỉnh, Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX,các nguồn khác...
	Ngành Du lịch						
2	Nghiên cứu lượng hóa các tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực du lịch của tỉnh và đề xuất các giải pháp thích ứng	Nghiên cứu lượng hóa các tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực du lịch của tỉnh và đề xuất các giải pháp thích ứng	2,0			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vốn sự nghiệp môi trường (SNMT) Tỉnh, Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX, và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
3	Chương trình tập huấn về kiến thức và kỹ năng thích nghi biến đổi khí hậu cho cán bộ công nhân viên ngành Du lịch và hộ dân kinh doanh dịch vụ	100% cán bộ, công chức, viên chức ngành du lịch, 100% doanh nghiệp dịch vụ du lịch được tập huấn	0,25	0,25		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vốn SNMT Tỉnh, Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX, và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
	Ngành Giáo dục và Đào tạo						
4	Nâng cấp phòng học đạt tiêu chuẩn phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường (Ưu tiên các cơ sở giáo dục nằm trong vùng thường xuyên bị thiên tai)	- Hệ thống các trường đào tạo trên địa bàn toàn tỉnh được nâng cấp, sửa chữa. - Trang bị những trang thiết bị, cơ sở vật chất cho việc đảm bảo phòng tránh thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ biến đổi khí hậu	5,0	5,0	5,0	Sở Giáo dục và Đào tạo, và các cơ sở giáo dục	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
5	Tuyên truyền, tập huấn tích hợp giáo dục bảo vệ và an toàn vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu cho giáo viên, học sinh các cấp	Nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh về bảo vệ và an toàn vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu	0,25	0,25	0,25	Sở GD&ĐT và các cơ sở giáo dục	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
	Ngành Giao thông vận tải						
6	Nghiên cứu các tác động của biến đổi khí hậu đến công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nghiên cứu các tác động của biến đổi khí hậu đến công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2,0			Sở Giao thông vận tải	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
7	Điều tra, rà soát xây dựng phương án phòng chống lũ quét, sạt lở đất cho hệ thống giao thông toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Tính toán xây dựng phương án phòng chống ngập lụt cho hệ thống giao thông toàn tỉnh có tính đến biến đổi khí hậu Đề xuất các giải pháp đảm bảo lưu thông, an toàn giao thông khi có thiên tai lũ lụt xảy ra.	2,0			Sở Giao thông vận tải	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
	Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
8	Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp và đề xuất các giải pháp ứng phó để phát triển bền vững.	Xác định các biểu hiện của biến đổi khí hậu, các ảnh hưởng tiêu cực và dự báo các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến ngành nông nghiệp tỉnh Cao Bằng. Đề xuất các giải pháp ứng phó để phát triển bền vững	1,0			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
9	Xây dựng quy hoạch phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030	Xây dựng quy hoạch phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030. Xây dựng và thực hiện các phương án di dời nhà ở ra khỏi khu vực nguy hiểm sạt lở đất do thiên tai tại các khu vực có mức độ tổn thương cao do biến đổi khí hậu.	1,0			Sở NN&PTNT Ban chỉ huy Phòng chống Thiên tai và TKCN tỉnh	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
10	Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng	Góp phần quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, đổi mới tư duy canh tác truyền thống phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào; phát huy nghề truyền thống nhằm hỗ trợ sinh kế và phát triển bền vững. Nâng cao năng lực lập kế hoạch và kỹ năng ứng phó với thảm họa thiên nhiên...	2,0			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
11	Dự án Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tại bốn huyện Thạch An, Nguyên Bình, Thông Nông và Hà Quảng giai đoạn 2020-2025	Xây dựng, thí điểm các mô hình sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình đa dạng sinh kế và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu tại 35 xã trên địa bàn các huyện (Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình) giai đoạn 2020-2025	94,053			Ban điều phối Dự án hỗ trợ Kinh doanh cho nông hộ	Nguồn kinh phí dự án
12	Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD ở các tỉnh, thành phố. - Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về QLTTCD	16,98			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
13	Tu bổ nâng cấp các công trình hồ chứa, kè sông suối phục vụ phòng chống thiên tai và các hiện tượng cực đoan khí hậu	Tu bổ nâng cấp các công trình hồ chứa, kè sông suối phục vụ phòng chống thiên tai và các hiện tượng cực đoan khí hậu	60,0			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
14	Điều chỉnh, rà soát bổ sung các kế hoạch phát triển chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 có tính các yếu tố biến đổi khí hậu	Điều chỉnh, rà soát bổ sung các kế hoạch phát triển chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, tiêu ứng thoát lũ có lồng ghép và tính đến các yếu tố biến đổi khí hậu	4,0			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
15	Xây dựng bản đồ phân vùng cảnh báo rủi ro thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp ứng phó trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho các vùng dễ bị tổn thương và có nguy cơ ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu	1,0			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
Ngành Xây dựng							
16	Nghiên cứu các tác động của biến đổi khí hậu đến chất lượng và tuổi thọ công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Định lượng các tác động của biến đổi khí hậu đến chất lượng và tuổi thọ công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2,0			Sở Xây dựng	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
17	Nghiên cứu mô hình nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật chống chịu thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu	Chống chịu và ứng phó với biến đổi khí hậu	1,0			Sở Xây dựng	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
18	Tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng các loại vật liệu xây dựng bảo vệ môi trường chống chịu tốt với điều kiện biến đổi khí hậu	Tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng các loại vật liệu xây dựng bảo vệ môi trường chống chịu tốt với điều kiện biến đổi khí hậu	1,0	1,0		Sở Xây dựng	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
19	Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện quy hoạch xây dựng, có khả năng tích hợp, lồng ghép các yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập và triển khai quy hoạch.	Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện quy hoạch xây dựng, có khả năng tích hợp, lồng ghép các yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập và triển khai quy hoạch.	0,1			Sở Xây dựng	Vốn SNMT, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
	Ngành Y tế						
20	Tổ chức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe	Các hoạt động truyền thông cụ thể tại cộng đồng được triển khai nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ sức khỏe	2,0	2,0	2,0	Sở Y tế	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
21	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất các cơ sở y tế huyện và xã, phục vụ công tác khám chữa bệnh cấp cơ sở, ưu tiên khu vực đông bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa (Vùng lục khu Hà Quảng)	Trên 50% cơ sở y tế xây dựng mới có áp dụng các giải pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.	2,0	2,0	2,0	Sở Y tế	Vốn SNMT Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
22	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp phòng chống, điều trị các bệnh, dịch nguy hiểm có nguy cơ lây lan rộng, nghiên cứu tập trung đến các loại dịch bệnh lây lan theo mùa hoặc ảnh hưởng bởi diễn biến nhiệt độ và thời tiết theo các kịch bản biến đổi khí hậu	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp phòng chống, điều trị các bệnh, dịch nguy hiểm có nguy cơ lây lan rộng, nghiên cứu tập trung đến các loại dịch bệnh lây lan theo mùa hoặc ảnh hưởng bởi diễn biến nhiệt độ và thời tiết theo các kịch bản biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện tỉnh Cao Bằng.	1,0			Sở Y tế	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
	Ban Dân tộc tỉnh						
23	Xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho các đông bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh	Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho nhân lực của ngành Văn hóa thể thao và du lịch.	0,5	0,5		Ban Dân tộc tỉnh	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh, Vốn đầu tư phát triển của Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
	Ngành Tài nguyên và Môi trường						
24	Điều tra đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến tài nguyên nước mặt tỉnh Cao Bằng và đề xuất mô hình quản lý tài nguyên nước mặt	Đề xuất mô hình quản lý tài nguyên nước mặt và áp dụng mô hình cho một số khu vực	4,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
25	Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh nhằm theo dõi, đánh giá, cập nhật thông tin kịp thời và chính xác, hỗ trợ công tác ra quyết định và quản lý nhà nước. + Xây mới trạm khí tượng Huy Giáp (huyện Bảo Lạc), Lưu Ngọc (nay thuộc huyện Trùng Khánh), Thắng Lợi (huyện Hạ Lang), Trọng Con (huyện Thạch An) + Nâng cấp trạm thủy văn Bằng Giang (Na Phia – Lô Trung, TP Cao Bằng), Bảo Lạc (Thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc)	5,0	5,0		Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn SNMT Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
26	Nghiên cứu tác động biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất của tỉnh, đề xuất và triển khai giải pháp quản lý	Nghiên cứu tác động biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất của tỉnh, đề xuất và triển khai giải pháp quản lý	2,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn SNMT Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
27	Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp quản lý bền vững rừng phục vụ cân bằng sinh thái, cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống	Xác định các giải pháp trong việc gia tăng giá trị của rừng phục vụ cân bằng sinh thái, cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống	3,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
28	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2,0	2,0	2,0	Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
29	Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học (Biogas) trong các trang trại chăn nuôi, hộ gia đình chăn nuôi gia súc nhằm giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường	Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi nhằm mục tiêu bảo vệ vệ sinh môi trường nông thôn, giảm phát thải khí nhà kính	10,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
30	Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH, xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do BĐKH đối với các hệ sinh thái tự nhiên từ đó xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp cho các hệ sinh thái dễ bị tổn thương.	Tăng cường năng lực, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
31	Phân loại mức độ khan hiếm nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước theo từng khu vực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Phân loại mức độ khan hiếm nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước theo từng khu vực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	3,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác

STT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Kinh phí dự kiến (tỷ)			Cơ quan chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến
			2021-2025	2026-2030	Sau 2030		
32	Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước; tìm kiếm, khoanh định khu vực có triển vọng khai thác nước dưới đất ở các vùng khan hiếm nước mặt.	Nâng cao khả năng ra quyết định giảm nguy cơ hạn hán, thiếu nước các khu vực ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong điều kiện biến đổi khí hậu	2,0			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
33	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phục vụ công tác quản lý và phòng tránh thiên tai.	Tăng cường năng lực công tác quản lý nhà nước về Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu; đẩy mạnh cải cách hành chính bằng cách áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát và điều hành trong lĩnh vực Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	3,0			Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh.	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
Ngành Lao động thương binh và Xã hội							
34	Tuyên truyền nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm "Giới và biến đổi khí hậu", "Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu".	Tăng cường năng lực nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm "Giới và biến đổi khí hậu", "Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu".	0,5	0,5	0,5	Sở Lao động thương binh và Xã hội	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
35	Tập huấn kỹ năng mềm cho lao động nữ tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu.	Tăng cường năng lực nữ giới thích ứng với biến đổi khí hậu	0,5	0,5	0,5	Sở Lao động thương binh và Xã hội	Vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác